



VIMCERTS 180

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG VÀ
DỊCH VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Địa chỉ: Khu phố Hội Gia – phường Mỹ Phong – tỉnh Đồng Tháp
Điện thoại: 0273 3872454 - 0273 3872 175



Số: 04528/KQPT/2025

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Mã số mẫu: 4930925

Tên khách hàng : **TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG**

Địa chỉ : 84 Ngô Gia Tự - Phường Trung An - Tỉnh Đồng Tháp

Tên mẫu : Nước thải sau xử lý

Ngày nhận mẫu : 17/09/2025

Ngày lấy mẫu : 17/09/2025

Người lấy mẫu : Ngô Minh Khánh

Ngày xuất kết quả : 01/10/2025

Địa điểm/Vị trí lấy mẫu: Khu công nghiệp Mỹ Tho

Địa chỉ: Phường Trung An - Tỉnh Đồng Tháp

Đầu ra hệ thống xử lý nước thải

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp
1	pH °	-	7,71	TCVN 6492:2011
2	Nhiệt độ °	°C	30,8	SMEWW 2550B:2023
3	BOD ₅ °	mg/L	11,0	SMEWW 5210B:2023
4	COD °	mg/L	28,3	SMEWW 5220C:2023
5	TSS °	mg/L	23,3	TCVN 6625:2000
6	Tổng Nitơ °	mg/L	18,2	TCVN 6638:2000
7	Tổng Photpho (tính theo P) °	mg/L	3,68	TCVN 6202:2008
8	Clo dư °	mg/L	KPH (MDL = 0,30)	TCVN 6225-3:2011
9	Dầu mỡ khoáng °	mg/L	KPH (MDL = 1,2)	SMEWW 5520B&F:2023
10	Crom (III) °	mg/L	KPH (MDL = 0,007)	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500-Cr.B:2023
11	Amoni (tính theo N) °	mg/L	KPH (MDL = 0,40)	TCVN 5988:1995
12	Xyanua ^β	mg/L	0,0016	SMEWW 4500-CN-C&E:2023
13	Asen °	mg/L	0,0087	SMEWW 3113B:2023
14	Chì °	mg/L	KPH (MDL = 0,0015)	SMEWW 3113B:2023
15	Đồng °	mg/L	KPH (MDL = 0,015)	SMEWW 3111B:2023
16	Kẽm °	mg/L	KPH (MDL = 0,015)	SMEWW 3111B:2023
17	Sắt °	mg/L	0,23	SMEWW 3500-Fe.B:2023
18	Cadimi °	mg/L	KPH (MDL = 0,00015)	SMEWW 3113B:2023
19	Thủy ngân °	mg/L	KPH (MDL = 0,00015)	TCVN 7877:2008
20	Màu °	Pt-Co	29,1	TCVN 6185:2015 (Phương pháp C)
21	Crom (VI) °	mg/L	KPH (MDL = 0,007)	SMEWW 3500-Cr.B:2023
22	Mangan °	mg/L	KPH (MDL = 0,015)	SMEWW 3111B:2023
23	Phenol ^β	µg/L	KPH (LOD = 0,03)	US EPA Method 3510C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270D
24	Sulfua (tính theo H ₂ S) °	mg/L	KPH (MDL = 0,020)	SMEWW 4500-S ² .B&D:2023
25	TDS °	mg/L	460,0	HD.KT.02.12
26	Chất hoạt động bề mặt °	mg/L	KPH (MDL=0,15)	TCVN 6622-1:2009
27	Dầu mỡ động thực vật °	mg/L	KPH (MDL=1,2)	SMEWW 5520B&F:2023

28	Nitrat (tính theo N) °	mg/L	14,5	SMEWW 4500 NO ₃ ⁻ .E:2023
29	Photphat (tính theo P) °	mg/L	2,18	TCVN 6202:2008
30	Coliforms °	MPN/100mL	7,9 x10 ²	SMEWW 9221B:2023

Phụ trách phòng thí nghiệm



Trinh Thị Thắng

Đồng Tháp, ngày 01 tháng 10 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC




Võ Trung Hiếu

- (*): Giới hạn định lượng của phương pháp thử

- MDL/LOD: Giới hạn phát hiện

- KPH: Không phát hiện

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.

- Kết quả này không được sao chép một phần hay toàn bộ nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ.

- (*) : Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025

- (*) : Chỉ tiêu được công nhận Vimecerts.

- (*) : Chỉ tiêu nhà thầu phụ thực hiện

- (*) : Chỉ tiêu chưa được chỉ định